

Phụ lục I

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo công văn số /BNNMT-KHTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (số phát sinh phải nộp trong năm (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về tài chính	Mất an toàn về tài chính	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	411.627	26.944	436.697			
I	Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	205.355	18.421	429.730			
1	CT TNHH 1 TV DV Khai thác Hải sản Biển Đông	57.991	2.261	2.387	An toàn		Công ty hoạt động công ích
2	CT TNHH 1TV Khai thác công trình TL Bắc Nam Hà	52.241	0	416.717	An toàn		Công ty hoạt động công ích
3	CT TNHH 1TV Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải	18	0	1	An toàn		Công ty hoạt động công ích
4	CT TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam	45.783	16.630	6.398	An toàn		Công ty hoạt động công ích
5	CTy TNHH1TV Nhà xuất bản nông nghiệp	3.355	-677	371		Mất an toàn	Lỗi lũy kế
6	CT TNHH 1TV Thủy sản Hạ Long	31.161	-1.668	2.397		Mất an toàn	Lỗi lũy kế, công nợ khó đòi
7	CT TNHH 1TV XNK Nông sản Thực phẩm	14.806	1.875	1.459		Mất an toàn	Lỗi lũy kế, công nợ khó đòi
8	CT TNHH 1TV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	19.296	-5.518		An toàn		
	Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam	109.386	582	3.623	An toàn		
	CT TNHH 1TV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam	90.434	1.596	10.083	An toàn		
II	Doanh nghiệp cổ phần hóa	206.272	8.523	6.967			
8	Cty CP Thuốc thú y TW Navetco	155.836	8.273		An toàn		Theo báo cáo giám sát và báo cáo TC
9	Cty CP Thuốc thú y TW Vetvaco	50.436	250	6.967		Mất an toàn	Lỗi lũy kế, không bảo toàn vốn

Phụ lục II

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo công văn số /BNNMT-KHTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác			Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu						Chỉ tiêu 3			CT 4. Chấp hành chế độ, CS PL	CT 5. Thực hiện SP, DV công ích	Xếp loại doanh nghiệp	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Xếp loại	Lợi nhuận		Vốn CSH bình quân (MS 410)	Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)		Xếp loại	Khả năng t.toán nợ đến hạn (lần)	Nợ quá hạn	Xếp loại				
					Kế hoạch	Lợi nhuận sau thuế		Kế hoạch	Thực hiện								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	1.007.090	411.627	0	8.617	27.406	12.593.990	1		0	9	78.580	0	0	0	0	
I	Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	567.090	205.355	0	8.349	18.421	12.265.139	1		0	9	78.580	0	0	0	0	
1	CT TNHH 1 TV DV Khai thác Hải sản Biển Đông	128.247	57.991		5.600	2.261	1.583.236				2,69	0					
2	CT TNHH 1TV KTCTTL Bắc Nam Hà	172.797	52.241		0	0	1.147.015	0	0		1,36	0					
3	CT TNHH 1TV KTCTTL Bắc Hưng Hải	123	18		0	0	1.057.480				1,07	0					
4	CT TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam	176.886	45.783		300	16.630	8.377.706				1,47						
5	CT TNHH 1TV Nhà xuất bản NN	13.000	3.355		25	-677	1.965	1,27	0,00		1,5	có nợ quá hạn					

Số TT	Tên doanh nghiệp	Chi tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác			Chi tiêu 2. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu						Chi tiêu 3			CT 4. Chấp hành chế độ, CS PL	CT 5. Thực hiện SP, DV công ích	Xếp loại doanh nghiệp	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Xếp loại	Lợi nhuận		Vốn CSH bình quân (MS 410)	Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)		Xếp loại	Khả năng t.toán nợ đến hạn (lần)	Nợ quá hạn	Xếp loại				
					Kế hoạch	Lợi nhuận sau thuế		Kế hoạch	Thực hiện								
6	CT TNHH 1TV Thủy sản Hạ Long	50.000	31.161		225	-1.668	126.369		0,2		0,5	có nợ quá hạn					
7	CT TNHH 1TV XNK Nông sản Thực phẩm	26.037	14.806		2.199	1.875	-28.632				0,3	78.580					
	CT TNHH 1TV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	181.213	19.296		2.400	-5.518	97.690				1,2						
	Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam	220.000	109.386		2.610	582	85.454				1,8						
	CT TNHH 1TV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam	379.510	90.434		2.031	1.596	56.000										
II	Công ty cổ phần	440.000	206.272	0	268	8.985	328.851			0		0	0				
8	Công ty CP Thuốc thú y TW Navetco	350.000	155.836	0,0	18	8.273	304.477				1,7	0				Công ty CP nên theo quy định không thực hiện XL DN	
9	CT CP Thuốc thú y TW Vetvaco	90.000	50.436		250	712	24.374		0,0	C	1,1	0				Công ty CP nên theo quy định không thực hiện XL DN	

Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP PHÁT SINH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM NGÀY 30/6/2025)

(Kèm theo công văn số /BNNMT-KHTC ngày /2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính	Cơ quan phê duyệt chủ trương	Cơ quan quyết định đầu tư	Hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 (triệu đồng)	Tổng số vốn thực tế đầu tư bổ sung trong năm 2024 (triệu đồng)	Nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh				Ghi chú
								NSTW	NSDP	Quỹ ĐTPT	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Doanh nghiệp A											
2	Doanh nghiệp B											
3	Doanh nghiệp C											
	...											

Ghi chú:

Về việc thành lập 02 Công ty TNHH MTV Công ty: Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Cửa Đạt và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tả Trách, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai các bước tiếp theo để thành lập doanh nghiệp nên chưa báo cáo nội dung này.